

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán mua sắm: May trang phục cho viên chức và người lao động tại Bệnh viện Đa khoa Phú Nhuận năm 2026
- Tên gói thầu: May trang phục cho viên chức và người lao động tại Bệnh viện Đa khoa Phú Nhuận năm 2026
- Địa điểm: Bệnh viện Đa khoa Phú Nhuận – Số 274 Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Phú Nhuận
- Nguồn vốn: Nguồn thu và nguồn quỹ phúc lợi của bệnh viện
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 4/2026
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
1	Trang phục Bác sĩ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bằng tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.	- Chất liệu vải Áo: Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m ²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35 % ±1; Hoặc có thành phần tương đương

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
		2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	- Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m ²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77% ±1; Cotton 23 % ±1; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với nữ: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m ²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Độ bền màu giặt ở 40°C: 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1; Hoặc có thành phần tương đương
2	Trang phục Điều dưỡng, y sĩ	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo	- Chất liệu vải Áo: Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m ²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m):

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
		ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bằng tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	Dọc 845/S ± 1; Ngang 768/S ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ± 0.1; Ngang -1.8 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ± 1; Cotton 35 % ± 1; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ± 1; Ngang 269 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ± 1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ± 0.1; Ngang -0.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77% ± 1; Cotton 23 % ± 1; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với nữ: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ± 1; Ngang 332 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ± 1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ± 0.1; Ngang -5.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ± 1; Rayon 23 % ± 1; Spandex 3% ± 1; Hoặc có thành phần tương đương

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
3	Trang phục kỹ thuật y	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bằng tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	- Chất liệu vải Áo: Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m^2): 158 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ± 1; Ngang 260 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $845/S \pm 1$; Ngang $768/S \pm 1$ + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ± 0.1; Ngang -1.8 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester $65\% \pm 1$; Cotton $35\% \pm 1$; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m^2): 258 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ± 1; Ngang 269 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $737/Z \pm 1$; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ± 0.1; Ngang -0.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester $77\% \pm 1$; Cotton $23\% \pm 1$; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với nữ: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m^2): 245 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ± 1; Ngang 332 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $819/S \pm 1$; Ngang sợi Filament, không có xoắn.

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
			+ Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ± 0.1 ; Ngang -5.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester $74\% \pm 1$; Rayon $23\% \pm 1$; Spandex $3\% \pm 1$; Hoặc có thành phần tương đương
4	Trang phục được sử	1. Áo: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bằng tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng. b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	- Chất liệu vải Áo: Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần + Khối lượng vải (g/m^2): 158 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 280 ± 1 ; Ngang 260 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $845/S \pm 1$; Ngang $768/S \pm 1$ + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ± 0.1 ; Ngang -1.8 ± 0.1 + Độ bền màu giặt ở 40°C : 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester $65\% \pm 1$; Cotton $35\% \pm 1$; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với Nam: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m^2): 258 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 484 ± 1 ; Ngang 269 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $737/Z \pm 1$; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ± 0.1 ; Ngang -0.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester $77\% \pm 1$; Cotton $23\% \pm 1$; Hoặc có thành phần tương đương - Quần đối với nữ: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
			- Màu sắc: Màu trắng Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1; Hoặc có thành phần tương đương
5	Trang phục Hành chính	1. Áo: a) Màu sắc: Màu sáng b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đúc, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. 2. Quần đối với nam; quần hoặc chân váy đối với nữ: a) Màu sắc: Màu sẫm hoặc đen; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.	- Áo: Chất liệu vải kate mỹ hoặc tương đương - Màu sắc: Màu sáng. Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²): 108 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 368 ±1; Ngang 300 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 1055/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.7 ±0.1; Ngang -0.2 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 80% ±1; Rayon 20 % ±1; Hoặc có thành phần tương đương - Quần: Chất liệu vải kaki thun hoặc tương đương - Màu sắc: Màu sẫm hoặc đen Thành phần: + Khối lượng vải (g/m²): 239 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 488 ±1; Ngang 356 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 1008/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Yêu cầu kỹ thuật
			giặt (%): Dọc -1.9 ± 0.1 ; Ngang -0.3 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ± 1 ; Rayon 18 % ± 1 ; Spandex 7% ± 1 ; Hoặc có thành phần tương đương
6	Trang phục Bảo vệ, lái xe	1. Áo: a) Màu sắc: Màu xanh cô ban sẫm; b) Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lờ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài bằng tên trên ngực trái. 2. Quần: a) Màu sắc: màu xanh đen. b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.	- Chất liệu vải Áo: Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu xanh coban sẫm Thành phần + Khối lượng vải (g/m^2): 125 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 376 ± 1 ; Ngang 324 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 800/S ± 1 ; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ± 0.1 ; Ngang -0.4 ± 0.1 + Độ bền màu giặt ở 30°C: 4-5 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ± 1 ; Rayon 25 % ± 1 ; Hoặc có thành phần tương đương - Quần: Chất liệu vải kaki hoặc tương đương - Màu sắc: Màu xanh đen Thành phần + Khối lượng vải (g/m^2): 259 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 379 ± 1 ; Ngang 292 ± 1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 852/S ± 1 ; Ngang sợi Filament, không có xoắn. + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ± 0.1 ; Ngang -0.6 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ± 1 ; Rayon 20 % ± 1 ; Spandex 6% ± 1 Hoặc có thành phần tương đương

1.3. Các yêu cầu khác: Không có

Mục 2. Bản vẽ: Không có**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Bất cứ sản phẩm nào nếu có nghi ngờ chất lượng sản phẩm sẽ được tiến hành thử nghiệm để chứng minh chất lượng. Hàng hóa không đúng chất lượng, nhà thầu có trách nhiệm đổi trả, toàn bộ chi phí kiểm tra, kiểm nghiệm do nhà thầu chi trả.